

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày 27-03-2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt và ông Lê Thế Kỳ

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thúy Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27-03-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2025/TLST-DS, ngày 12-11-2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-DS, ngày 09 - 3 - 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm 1979 và chị Võ Thị Thanh H, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H1, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1); Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-10-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H trình bày: Khoảng năm 2016, vợ chồng tôi cho anh H1, chị L1 vay tiền nhưng đến năm 2019 vẫn chưa trả được nên chúng tôi đã thống nhất cộng chốt nợ vào ngày 01-4-2019 dương lịch nhằm ngày 16-02-2019 âm lịch là có cho anh H1, chị L1 vay số tiền 130.000.000đ, thỏa thuận lãi là 20.000đ/triệu/tháng, một năm trả lãi 01 lần, tiền gốc thỏa thuận miệng là 03 năm trả tính từ ngày 01-4-2019 dương lịch, nhưng không viết trong giấy vay. Từ thời điểm chốt nợ ngày 01-4-2019 đến 01-4-2022, anh H1, chị L1 đã trả cho chúng tôi 38.000.000đ tiền lãi, từ đó đến nay anh H1, chị L1 chưa trả cho chúng tôi khoản lãi và gốc nào. Sau khi hết thời hạn 03 năm, chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu anh H1, chị L1 trả nợ cho chúng tôi nhưng anh H1, chị L1 chưa

trả. Vì vậy, chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H1, chị L1 phải trả cho chúng tôi 130.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Q, chị H giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1, chị L1 phải trả 130.000.000đ tiền gốc. Đối với tiền lãi, do thấy hoàn cảnh anh H1, chị L1 cũng khó khăn nên chỉ yêu cầu tính lãi 1,2%/tháng, thời điểm tính từ ngày cho vay 01-4-2019 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm và trừ đi số tiền lãi đã trả là 38.000.000đ, không tính lãi quá hạn.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1) trình bày: Trước đây, vợ chồng tôi có vay tiền của anh Q, chị H, khi vay có thỏa thuận tiền lãi nhưng nội dung cụ thể, chúng tôi cũng không nhớ rõ vì tất cả giấy tờ do chị H giữ, chúng tôi không giữ. Vợ chồng chúng tôi vẫn nhiều lần trả lãi cho vợ chồng anh Q, chị H (giấy tờ trả lãi đều do Hăng giữ), nhưng có thời điểm khó khăn chúng tôi không trả được lãi thì chị H, anh Q đã cộng cả tiền lãi chưa trả vào tiền gốc. Sau đó, vào ngày 01-4-2019 dương lịch nhằm ngày 16-02-2019 âm lịch, hai bên đã lập giấy chốt nợ nội dung là vợ chồng chúng tôi có vay chị H 130.000.000đ, đây là cả tiền gốc và lãi chưa trả được mà chị H, anh Q cộng lại nhưng không ghi rõ tiền gốc bao nhiêu và tiền lãi chưa trả bao nhiêu mà chỉ ghi chúng tôi có vay 130.000.000đ. Vợ chồng tôi không chứng minh được tiền gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu. Tại giấy vay, các bên có thỏa thuận lãi suất là 20.000đ/triệu/tháng, chúng tôi xác nhận nội dung này là có thật, đối với thời điểm trả số tiền gốc không ghi trong giấy vay. Từ thời điểm chốt nợ tại giấy vay tiền trên cho đến hết năm 2024, vợ chồng tôi vẫn trả lãi cho vợ chồng chị H là khoảng 38.000.000đ. Đến năm 2025, vợ chồng chị H vào đòi nợ bảo không tính lãi năm 2025, yêu cầu nhà tôi trả đủ 130.000.000đ cho họ nhưng do điều kiện khó khăn, vợ chồng tôi không có tài sản gì, chỉ đi phụ hồ kiếm sống qua ngày nên xin trả trước 60.000.000đ, còn lại để trả sau nhưng vợ chồng chị H, anh Q không chịu nên từ đó đến nay chúng tôi cũng chưa trả thêm tiền gì. Nay chị H, anh Q khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 130.000.000đ gốc thì chúng tôi đồng ý trả, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả 01 lần mà xin trả làm 04 lần. Đối với tiền lãi chúng tôi đã trả được 38.000.000đ tiền lãi, không yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi này, chỉ đề nghị xem xét hoàn cảnh vợ chồng chúng tôi quá khó khăn nên xin không tiếp tục trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 130.000.000đ. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả và lãi suất.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; Áp dụng Điều Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H. Buộc anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L1 (Nguyễn Như Thị L) phải trả số tiền gốc vay là 130.000.000 đồng theo giấy vay tiền hai bên đã lập ngày 01-4-2019 dương lịch nhằm ngày 16-02-2019 âm lịch cho anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H và mức lãi suất 1,2%/tháng, tính lãi từ ngày cho vay 01-4-2019 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm và trừ đi số tiền lãi đã trả là 38.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L1 (Nguyễn Như Thị L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1) có địa chỉ tại Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1) trả số tiền 130.000.000đ và tiền lãi 1,2%, tính từ ngày 01-04-2019 đến ngày xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về số tiền đã cho vay: Anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1) trả 130.000.000đ tiền gốc theo ngày 01-4-2019 dương lịch nhằm ngày 16-02-2019 âm lịch, anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1) thừa nhận và đồng ý trả số tiền gốc nêu trên. Do đó, có căn cứ khẳng định việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là có thật.

Tại giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận thời điểm trả nợ gốc, nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận miệng 03 năm trả, bị đơn không thừa nhận nội dung này nhưng các bên đều thừa nhận trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã gặp bị đơn đòi nợ nhiều lần, bị đơn cũng đã nhận được thông báo yêu cầu trả nợ của bị đơn, nhưng bị đơn chưa trả được nợ cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền gốc là 130.000.000đ.

[3.2]. Về lãi suất: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 20.000đ/triệu/tháng và đã trả 38.000.000đ tiền lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất là 1,2%/ tháng, tính từ ngày cho vay là 01- 4 - 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ đi số tiền 38.000.000đ mà bị đơn đã trả, không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Xét mức lãi suất 1,2%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, không vượt quá mức quy định của pháp luật nên có căn cứ cần chấp nhận.

Lãi suất cụ thể được tính như sau: Từ ngày 01-4-2019 đến ngày 27-3-2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 06 năm, 11 tháng, 26 ngày = $(130.000.000đ \times 1,2\%) \times 83 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 130.832.000đ$. Bị đơn đã trả được 38.000.000đ tiền lãi, còn phải trả: $130.832.000đ - 38.000.000đ = 92.832.000đ$. Như vậy cần buộc bị đơn trả 92.832.000đ tiền lãi cho nguyên đơn.

Đối với lãi suất quá hạn không yêu cầu nên không đề cập.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 222.832.000đ, trong đó 130.000.000đ tiền gốc và 92.832.000đ tiền lãi.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $222.832.000đ \times 5\% = 11.141.600đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (Nguyễn Như Thị L1)

Buộc anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (L1) phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H tổng số tiền 222.832.000đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*), trong đó 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu*) tiền gốc và 92.832.000đ (*Chín mươi hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (L1) chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (L1) còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Phi H1 và chị Nguyễn Như Thị L (L1) phải nộp số tiền 11.141.600đ (*Mười một triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng*). Trả cho anh Nguyễn Phú Q và chị Võ Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số 0007518 ngày 04-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng)

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm